

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát
(đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)

Địa điểm xây dựng: thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 701/BC-SKHĐT ngày 10/10/2019, đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1172/SGTVT-GT ngày 04/10/2019 và đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 1596/TTr-BQLGT ngày 07/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát), với nội dung chính như sau:

1. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh.

2. Quy mô đầu tư

- Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị thứ yếu (TCXDVN 104-2007).

- Chiều dài đoạn tuyến: L=1,6 Km (điểm đầu dự án: Ngã tư Gò Găng, điểm cuối dự án: Cổng sân bay Phù Cát).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tt} = 60 \text{ Km/h}$.
- Quy mô mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 30\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 2 \times 3,5\text{m} + 2 \times 4,0\text{m} = 15\text{m}$;
 - + Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{gpc} = 3,0\text{m}$;
 - + Bề rộng dải an toàn giữa: $B_{atg} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$;
 - + Bề rộng dải an toàn bó vỉa: $B_{atbv} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$;
 - + Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = 2 \times 5\text{m} = 10,0\text{m}$.
- Tải trọng thiết kế cống: H30.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu mặt đường: $E_y/c = 160\text{Mpa}$.

3. Phương án thiết kế

a. Nền, mặt đường:

- Nền đường: Đắp đất cấp phối đồi độ chặt $K \geq 0,95$; lớp nền thượng giáp đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm được đầm chặt $K \geq 0,98$.
- Mặt đường: Mặt đường làm mới gồm các lớp như sau:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;
 - + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²;
 - + Bê tông nhựa C19 dày 7cm;
 - + Nhựa thấm bám 1,0 Kg/m²;
 - + Cấp phối đá dăm loại I dày 45cm.
- Mặt đường tăng cường trên đường cũ gồm các lớp sau:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;
 - + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²;
 - + Bê tông nhựa C19 dày 7cm;
 - + Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²;
 - + Bù vênh đá dăm đen.

b. Các công trình an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT.

c. Đường dân sinh: Thiết kế vượt vào tuyến chính, độ dốc dọc vượt nối vào các đường giao dân sinh theo cao độ tuyến chính. Phạm vi vượt nối kết cấu mặt đường chính ra 50 - 60m tùy đường giao. Kết cấu trên mặt bê tông cũ gồm các lớp:

- Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;
- Nhũ tương dính bám 0,5Kg/m².

d. Nút giao:

- Các nút giao được thiết kế giao bằng cùng mức đơn giản, đối với nút giao đầu tuyến với QL1 điều khiển bằng tín hiệu đèn (dịch chuyển 02 trụ đèn) và bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông.

- Nút giao cuối tuyến nút ngã tư thiết kế dạng nút giao bằng cùng mức bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông.

- Nút giao với đường sắt Bắc Nam: Xây dựng mở rộng nền mặt đường tại vị trí nút giao đảm bảo bề rộng bằng với tuyến chính, xây dựng rào chắn mới đảm bảo đủ bề rộng mặt đường sau khi mở rộng là $B_m=20m$, xây dựng mới nhà gác chắn đường sắt.

d. Phần công trình thoát nước:

- **Cống thoát nước dọc:** Hệ thống cống dọc đặt dọc theo trục đường, dùng cống tròn BTCT đúc sẵn khẩu độ từ (0,8 - 1,0)m, bố trí đi trên vỉa hè; các hố ga thu, ga thăm bằng BTCT M250 đặt trên vỉa hè.

- **Cống thoát nước ngang:**

+ Xây dựng 04 cống tròn BTCT đúc sẵn có khẩu độ từ 1,0 đến 1,5m.

+ Trên tuyến có 3 cửa xả tại Km0+188,27; Km0+850,92 (phía trái tuyến) và Km1+413,66 (phía phải tuyến).

e. Tuynen kỹ thuật: Xây dựng 03 tuynen kỹ thuật ngang KT: 150x80cm, được bố trí ngang đường, khoảng cách trung bình 0,5 km/1cái.

g. Dải phân cách: Sử dụng viên bó vỉa bê tông C20, có chiều cao 53 cm (chiều cao so với mặt đường là 30cm).

h. Cây xanh:

- Trên dải phân cách đắp lớp đất màu dày 20cm để trồng cỏ, các cây và khóm cây bụi (cây cau dẻ, cây hoa giấy, cây cau vua,...), bố trí đan xen giữa các loại cây một cách hài hòa, đảm bảo mỹ quan.

- Trạm bơm tưới cây: Bố trí trạm bơm trên dải phân cách với khoảng cách trung bình 250m/trạm để thuận lợi trong việc chăm sóc và tưới cây trên tuyến.

- Phần vỉa hè hai bên trồng cây xanh có tán trong các hố trồng cây, khoảng cách trung bình 10m/hố.

i. Vỉa hè:

- Bó vỉa dạng vát đứng bằng bê tông C20.

- Vỉa hè lát gạch block có các lớp đệm bên dưới.

k. Hệ thống điện chiếu sáng:

- Hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế theo tiêu chuẩn TCXDVN 259-2001 do Bộ xây dựng ban hành theo Quyết định số 28/2001/QĐ-BXD ngày 13/11/2001.

- Xây dựng mới đường dây 22kV và trạm biến áp cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng. Cột đèn được bố trí ở giữa dải phân cách, sử dụng trụ thép 10m và 14m cân đèn đôi, trên mỗi cột lắp đèn Led 120W; khoảng cách trung bình giữa 2 cột khoảng 33m.

l. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy:

- Đường ống cấp nước đầu nối vào mạng lưới cấp nước hiện trạng DN100.

- Mạng lưới đường ống phân phối cho chữa cháy và cấp cho sinh hoạt là ống HDPE OD110 và HDPE OD63.

- Các đoạn ống đi qua đường được lồng bảo vệ bằng ống lồng STK DN150x4,78mm.

4. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Địa điểm xây dựng: Thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

6. Loại và cấp công trình: Công trình đường đô thị; cấp II

7. Nhóm dự án: nhóm B.

8. Tổng mức đầu tư: 269.572.130.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	59.933.305.000	đồng;
- Chi phí thiết bị:	198.647.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.190.503.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.298.622.000	đồng;
- Chi phí khác:	5.071.221.000	đồng;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	173.405.972.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	26.473.860.000	đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2023

12. Tổ chức thực hiện: Theo Luật Đầu tư công.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19 (M.12b). /v

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng